

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
THỊ XÃ BÌNH LONG  
TỈNH BÌNH PHƯỚC**  
Bản án số: 26/2022/DS-ST  
Ngày 12/9/2022  
*V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản*

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ BÌNH LONG, TỈNH BÌNH PHƯỚC**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Bình

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Thanh Minh

Bà Nông Thị Giới

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Phạm Tân Huyền - Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Bình Long, tỉnh Bình Phước.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Bình Long, tỉnh Bình Phước tham gia phiên tòa:** Ông Nguyễn Hùng Phong – Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 9 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Bình Long, tỉnh Bình Phước xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 27/2022/TLST-DS ngày 08 tháng 4 năm 2022, về việc: Tranh chấp hợp đồng vay tài sản, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 33/2022/QĐXXST – DS ngày 29/8/2022, giữa các đương sự:

*Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Thị Kim A, sinh năm 1963

Địa chỉ: Tổ 20, khu phố PB, phường AL, thị xã BL, tỉnh Bình Phước

*Bị đơn:* Chị Dương Thị Ngọc O, sinh năm 1981

Địa chỉ: Tổ 5, khu phố PT, phường PT, thị xã BL, tỉnh Bình Phước

*Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Ông Nguyễn Văn T1, sinh năm 1964

Địa chỉ: Tổ 20, khu phố PB, phường AL, thị xã BL, tỉnh Bình Phước.

2. Anh Lê Hữu T2, sinh năm 1980

Địa chỉ: Tổ 5, khu phố PT, phường PT, thị xã BL, tỉnh Bình Phước.

*Người đại diện theo ủy quyền của bà Nguyễn Thị Kim A và ông Nguyễn Văn T1:*  
Bà Lê Thị L, sinh năm 1960

Địa chỉ: Tổ 5, khu phố XC 2, phường HC, thị xã BL, tỉnh Bình Phước.

*Người đại diện theo ủy quyền của chị Dương Thị Ngọc O:* Ông Hoàng Minh Q, sinh năm 1975

Địa chỉ: Số 491 Quốc Lộ 14, phường TB, thành phố DX, tỉnh Bình Phước.

*Người đại diện theo ủy quyền của anh Lê Hữu T2:* Chị Dương Thị Ngọc O, sinh năm 1981

Địa chỉ: Tổ 5, khu phố PT, phường PT, thị xã BL, tỉnh Bình Phước

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo đơn khởi kiện, các tài liệu chứng cứ kèm theo và lời trình bày của người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Vào ngày 5/12/2020 Chị Dương Thị Ngọc O vay của bà Nguyễn Thị Kim A số tiền 700.000.000đ (bảy trăm triệu đồng) với lãi suất 4,5%/tháng. Chị O đã trả lãi được hai tháng với số tiền lãi tổng cộng là 63.000.000đ (sáu mươi ba triệu đồng). Từ ngày 6/2/2021 tới nay chị O không trả tiền lãi cũng không trả tiền nợ gốc. Bà Nguyễn Thị Kim A yêu cầu chị Dương Thị Ngọc O trả nợ gốc 700.000.000đ (bảy trăm triệu đồng) và tiền lãi theo lãi suất của Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn kể từ ngày 06/2/2021 tới ngày xét xử vụ án.

Đối với tờ giấy nhận tiền gốc và lãi 637.000.000đ (sáu trăm ba mươi bảy triệu đồng) do chị O giao nộp thì đúng là bà Kim A có nhận số tiền này và viết giấy nhận tiền cho chị Ngọc O, nhưng số tiền này không phải chị O trả nợ gốc và lãi của khoản vay 700.000.000đ (bảy trăm triệu đồng) nêu trên mà là tiền chị O trả cho bà A tiền gốc và lãi khi cùng nhau hùn mua thửa đất của ông Đại Quang. Giấy này được bà A lập vào ngày 26/3/2021 ngay khi chị O giao số tiền này. Khi lập giấy bà A không ghi ngày tháng năm, chữ số 8.2.2021 và chữ ký ở góc bên phải phía dưới là do chị O tự viết và ký tên của chị O.

Theo lời trình bày của chị Nguyễn Thị Kim O (là người đại diện theo ủy quyền của anh Lê Hữu T2) và người đại diện theo ủy quyền của chị O là ông Hoàng Minh Q thì:

Ngày 05/12/2020, chị O có vay 700.000.000đ (bảy trăm triệu đồng) của bà Nguyễn Thị Kim A.

Tháng 01/2021 chị O chuyển khoản trả lãi là 31.500.000 đồng (ba mươi một triệu năm trăm ngàn đồng).

Ngày 06/02/2021 chị O chuyển khoản trả lãi là 31.500.000đ (ba mươi một triệu năm trăm ngàn đồng).

Ngày 08/02/2021 chị O đem tiền đến trả cho bà A số tiền là 637.000.000 đồng (sáu trăm ba mươi bảy triệu đồng); trong đó trả tiền nợ gốc là 630.000.000 đồng (sáu trăm ba mươi triệu đồng) cộng với tiền lãi 4 ngày là 4.200.000 đồng (bốn triệu hai trăm nghìn đồng) – tương đương 1 ngày 1.050.000đ (một triệu không trăm năm mươi nghìn đồng) và cho thêm bà A để “cảm ơn” 2.800.000đ (hai triệu tám trăm nghìn đồng). Khi trả tiền thì bà A viết *giấy nhận tiền gốc và lãi là 637.000.000 đồng* (sáu trăm ba mươi bảy triệu đồng) giao cho chị O. Do tờ giấy này bà A không ghi ngày tháng năm nên khi nhận giấy thì chị O tự viết chữ số 8.2.2021 và ký chữ ký của chị O ở góc bên trái phía dưới của tờ giấy để nhớ ngày trả nợ. Chị O vay tiền của bà A rất nhiều lần, mỗi lần vay tiền thì bà A đều ghi vào sổ nợ và chị O ký tên xác nhận, khi trả nợ thì bà A gạch sổ. Ngày 08/2/2021 do bà A bận đi công việc nên chưa tìm ra sổ ghi nợ để ở đâu nên đã có viết biên nhận tiền cho chị O.

Đối với số tiền nợ gốc còn lại là 70.000.000đ (bảy mươi triệu đồng) thì bà A cùng hùn vốn với chị O và ông Thuận để mua thửa đất gần trường cấp ba mới của thị xã Bình Long trị giá 600.000.000 đồng (sáu trăm triệu đồng).

Như vậy, chị O đã trả hết số tiền vay của bà A, nay bà Kim A khởi kiện chị O yêu cầu trả số tiền 700.000.000 đồng (bảy trăm triệu đồng) và tiền lãi mà chị O đã vay vào ngày 05/12/2020 là không có căn cứ.

Tại bản tự khai ngày 11/7/2022 anh Lê Hữu T2 trình bày: Vào cuối năm 2020 vợ tôi (vợ anh T2 là chị Dương Thị Ngọc O) có vay của bà Nguyễn Thị Kim A số tiền khoảng 700.000.000 đồng (bảy trăm triệu đồng) có tính lãi suất. Đến tháng 2/2021 vợ tôi đã trả được 2 tháng tiền lãi, ngày 08/2/2021 vợ tôi đã mang số tiền 637.000.000 đồng (sáu trăm ba mươi bảy triệu đồng) đến nhà bà A để trả nợ. Khi trả nợ thì bà A có ghi biên nhận là đã nhận số tiền trên, do bà A lúc đó chưa tìm được cuốn sổ ghi nợ nên chưa gạch xóa, hủy bỏ giấy ghi nợ đi, bà A hứa để tìm sổ ghi nợ và gạch bỏ sau. Do tin tưởng bà A là người trung thực và vợ tôi cũng đang bận việc phải giải quyết nên vợ tôi ra về. Sau đó bà A không có ý kiến gì nên chúng tôi tin tưởng là bà A đã hủy giấy nợ của chúng tôi. Khoảng một năm sau bà A đột nhiên quay lại đòi vợ chồng tôi số tiền 700.000.000đ (bảy trăm triệu đồng) và nói rằng còn ghi trong sổ chưa xóa, chúng tôi không đồng ý thì bà A đề nghị chia 50/50, tức là bà A yêu cầu chúng tôi trả ít nhất là 350.000.000đ (ba trăm năm mươi triệu đồng) nhưng chúng tôi không chấp nhận. Nay tôi yêu cầu tòa án giải quyết đúng pháp luật.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Bình Long, tỉnh Bình Phước tham dự phiên tòa phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án:

Về thủ tục tố tụng: Quá trình tiến hành tố tụng, Thẩm phán, Thư ký tòa án và Hội đồng xét xử đã tuân theo đúng các quy định của pháp luật về thẩm quyền giải quyết, quan hệ tranh chấp và thành phần tham gia tố tụng, xác minh thu thập chứng cứ đúng quy định.

Về việc giải quyết vụ án: Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án thì có cơ sở xác định việc chị Dương Thị Ngọc O có vay của bà Nguyễn Thị Kim A số tiền 700.000.000đ (bảy trăm triệu đồng) với lãi suất 4,5%/tháng. Thông qua hồ sơ vụ án và quá trình xét xử, tranh luận tại phiên tòa thì có căn cứ về việc chị O đã trả cho bà A số tiền 637.000.000đ (sáu trăm ba mươi bảy triệu đồng); còn số tiền 70.000.000đ phía chị O trình bày là đã trả thông qua hình thức bà Kim A góp số tiền này với chị O để mua chung đất nhưng không chứng minh được. Vì vậy đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận một phần yêu cầu của bà Nguyễn Thị Kim A, buộc chị Dương Thị Ngọc O phải trả cho bà Kim A 70.000.000đ (bảy mươi triệu đồng) nợ gốc và tiền lãi theo quy định của pháp luật.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1] Về áp dụng pháp luật tố tụng: Tranh chấp giữa bà Nguyễn Thị Kim A và chị Dương Thị Ngọc O là tranh chấp hợp đồng; các bên đương sự đều cư trú tại địa bàn thị xã Bình Long nên tranh chấp này thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã Bình Long, tỉnh Bình Phước theo quy định tại khoản 3 Điều 26 điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về áp dụng pháp luật nội dung: Các đương sự tranh chấp với nhau về hợp đồng vay tài sản nên áp dụng các quy định của pháp luật về cho vay, về lãi suất quy định trong Bộ luật dân sự 2015 để giải quyết.

[3] Về nội dung tranh chấp:

[3.1] Về số tiền vay và ngày vay tiền: Các đương sự đã thống nhất được với nhau về số tiền nợ gốc mà bà Nguyễn Thị Kim A cho chị Dương Thị Ngọc O vay là 700.000.000đ (bảy trăm triệu đồng), ngày vay tiền là ngày 05/12/2020 đúng theo giấy vay nợ mà bà Kim A đã giao nộp kèm theo đơn khởi kiện. Về lãi suất thì mặc dù giấy vay

nợ không ghi cụ thể về lãi suất nhưng hai bên đều thống nhất mức lãi mà bà Kim A cho chị O vay là 4,5%/tháng.

[3.2] Về việc trả nợ gốc và nợ lãi: Hai bên đã thống nhất được việc chị O đã trả cho bà Kim A hai tháng tiền lãi là 63.000.000đ (sáu mươi ba triệu đồng). Còn đang tranh chấp về khoản nợ gốc là 700.000.000 đồng (bảy trăm triệu đồng) và nợ lãi từ ngày 06/2/2021 tới nay.

Xét các chứng cứ và lời trình bày của các đương sự.

Về Giấy nhận tiền gốc và lãi 637.000.000 đồng (sáu trăm ba mươi bảy triệu đồng). Theo lời trình bày của bà Kim A thì bà nhận khoản tiền 637.000.000 đồng (sáu trăm ba mươi bảy triệu đồng) này của chị O vào ngày 26/3/2021 và đây là tiền mà chị O trả cho bà Kim A tiền gốc và lãi khi cùng nhau hùn mua thửa đất của ông Đại Quang. Tuy nhiên bà Kim A không có chứng cứ nào xác thực việc bà nhận khoản tiền này vào ngày 26/3/2021. Bà Kim A và người đại diện theo ủy quyền trình bày là ngày 26/3/2021 chị O trả cho bà Kim A 300.000.000đ (ba trăm triệu đồng) tiền gốc và 337.000.000đ (ba trăm ba mươi bảy triệu đồng) tiền lãi trong việc bà Kim A bán sang tay thửa đất trước đó đã mua của ông Đại Quang cho ông Huỳnh Tấn Mãi. Tuy nhiên theo lời trình bày của bà Kim A thì bà Kim A đặt cọc mua đất của ông Đại Quang vào ngày 22/2/2021 rồi nhờ chị O giao bán đất, ngày 23/2/2021 chị O dẫn ông Huỳnh Tấn Mãi tới gặp bà Kim A để mua thửa đất của ông Đại Quang rồi đề nghị cho chị O và ông Thuận hùn vốn vào việc mua bán thửa đất này. Trong ngày 23/2/2021 các bên thỏa thuận việc hùn hạp và tính toán là bà Kim A được tổng cộng 637.000.000đ (bao gồm cả tiền gốc đã đặt cọc và tiền lãi) trong việc mua bán thửa đất của ông Đại Quang. Cũng trong ngày 23/2/2021 bà Kim A có viết “hợp đồng đặt cọc chuyển nhượng đất” với ông Huỳnh Tấn Mãi và ngày 26/3/2021 chị O yêu cầu bà Kim A đưa giấy đặt cọc này để đi Công chứng hợp đồng chuyển nhượng đất từ ông Đại Quang sang cho ông Huỳnh Tấn Mãi thì bà Kim A yêu cầu chị O phải đưa 637.000.000đ trước khi giao cho chị O giấy cọc. Nhưng theo “Hợp đồng đặt cọc tiền chuyển nhượng đất” giữa bà Nguyễn Thị Kim A với ông Huỳnh Tấn Mãi mà bà Kim A đã chụp lại trong điện thoại sau đó in ra (bút lục số 54) thì hợp đồng đặt cọc này được ký kết vào ngày 22/2/2021 chứ không phải ngày 23/2/2021 như phía bà Kim A trình bày.

Theo lời trình bày của phía chị Dương Thị Ngọc O thì việc mua bán sang tay thửa đất của ông Đại Quang cho ông Huỳnh Tấn Mãi được thực hiện từ ngày 21/2/2021 tới ngày 22/2/2021 và không có liên quan gì tới số tiền 637.000.000đ (sáu trăm ba mươi bảy triệu đồng).

Như vậy là không có căn cứ gì xác thực về việc bà Kim A nhận số tiền 637.000.000đ (sáu trăm ba mươi bảy triệu đồng) của chị O vào ngày 26/3/2021 và lời trình bày của bà Kim A về việc mua bán sang tay thửa đất của ông Đại Quang là không trùng khớp với chứng cứ mà bà Kim A giao nộp. Nên yêu cầu của bà Kim A về số tiền này là không phù hợp, Tòa án chấp nhận việc chị O đã trả cho bà Kim A số tiền 637.000.000đ (sáu trăm ba mươi bảy triệu đồng) bao gồm 630.000.000đ (sáu trăm ba mươi triệu đồng) nợ gốc, 4.200.000đ (bốn triệu hai trăm nghìn đồng) nợ lãi và chị O cho thêm bà Kim A 2.800.000đ (hai triệu tám trăm nghìn đồng) để cảm ơn vào ngày 8/2/2021 như phía chị O trình bày.

Đối với số tiền 70.000.000đ (bảy mươi triệu đồng) nợ gốc còn lại, chị O trình bày là bà Kim A đã góp vốn với chị để mua thửa đất khác ở gần trường cấp ba mới của thị xã Bình Long với giá 600.000.000đ (sáu trăm triệu đồng). Nhưng chị O không đưa ra được chứng cứ nào để chứng minh cho lời trình bày này. Ngược lại bà Kim A thừa nhận có hùn với chị O và anh Thuận số tiền 30.000.000đ (ba mươi triệu đồng) để đặt cọc mua thửa đất ở trường cấp ba mới với giá 590.000.000đ (năm trăm chín mươi nghìn đồng), việc này đã xảy ra trước thời điểm chị O giao cho bà Kim A số tiền 637.000.000đ. Cụ thể là vào ngày 06/2/2021 chị O có ghi giấy nhận tiền 30.000.000đ (ba mươi triệu đồng) của bà Kim A để cọc đất gần trường cấp ba mới (bút lục số 61). Vì vậy có căn cứ để xác định chị O chưa trả số tiền 70.000.000đ (bảy mươi triệu đồng) này cho bà Kim A, cần buộc chị O trả cho bà Kim A số tiền này. Do chị O và anh T2; bà Kim A và ông T1 là vợ chồng, các khoản vay nợ này phát sinh trong thời kỳ hôn nhân nên là tài sản và nợ chung của vợ chồng nên buộc anh T2 phải cùng chị O trả nợ cho bà Kim A và ông T1.

[3.3] Về tiền lãi: Hai bên đã thừa nhận chị O đã trả cho bà Kim A hai tháng tiền lãi là 63.000.000đ (sáu mươi ba triệu đồng), chị O chứng minh được ngoài khoản lãi trên thì chị O đã trả thêm cho bà Kim A 4 ngày tiền lãi (gồm các ngày 5, 6, 7, 8 tháng 2 năm 2021) là 4.200.000đ (bốn triệu hai trăm nghìn đồng). Mặc dù mức lãi suất hai bên thỏa thuận là cao hơn quy định của pháp luật nhưng không ai yêu cầu tính lại lãi suất nên tòa án không xét. Phía bà Kim A (thông qua người đại diện) yêu cầu tính mức lãi suất theo ngân hàng là không rõ ràng. Theo quy định tại Điều 468 Bộ luật dân sự thì mức lãi suất tối đa không vượt quá 20%/năm nhưng tại phiên tòa phía bà Kim A chỉ yêu cầu tính mức lãi 1%/tháng là phù hợp, được chấp nhận. Buộc chị O và anh T2 phải trả cho bà Kim A và ông T1 mức lãi suất này đối với số nợ gốc 70.000.000đ (bảy mươi triệu đồng). Thời hạn tính lãi bắt đầu từ ngày 09/02/2021 tới ngày xét xử sơ thẩm là 1 năm 7 tháng 4 ngày, tiền lãi được tính như sau:  $70.000.000đ \times 1\%/tháng \times 19\text{ tháng } 4\text{ ngày} = 13.393.000đ$  (mười ba triệu ba trăm chín mươi ba nghìn đồng).

[4] Về án phí: Chị Dương Thị Ngọc O và anh Lê Hữu T2 phải chịu án phí trên số nợ phải trả là:  $83.393.000đ \times 5\% = 4.169.650đ$  (bốn triệu một trăm sáu mươi chín nghìn sáu trăm năm mươi đồng).

Bà Nguyễn Thị Kim A và ông Nguyễn Văn T1 phải chịu án phí trên số tiền yêu cầu nhưng không được chấp nhận là 630.000.000đ, cụ thể số tiền án phí họ phải chịu là:  $20.000.000đ + (230.000.000đ \times 4\% = 9.200.000đ) = 29.200.000đ$ , được trừ đi số tiền tạm ứng án phí mà bà Kim A đã đóng là 16.400.000đ (sáu triệu bốn trăm nghìn đồng), còn lại phải đóng là 12.800.000đ (mười hai triệu tám trăm nghìn đồng).

*Vì các lẽ trên;*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

- Áp dụng các Điều 463, 466, 468 Bộ luật dân sự;
- Áp dụng các Điều 144, 147 Bộ luật tố tụng dân sự;
- Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội về án phí, lệ phí Tòa án.

1. Về nội dung tranh chấp: Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Kim A, buộc chị Dương Thị Ngọc O và anh Lê Hữu T2 phải trả nợ cho bà Nguyễn

Thị Kim A và ông Nguyễn Văn T1 70.000.000đ (bảy mươi triệu đồng) nợ gốc và 13.393.000đ (mười ba triệu ba trăm chín mươi ba nghìn đồng) nợ lãi. Tổng cộng là 83.393.000đ (tám mươi ba triệu ba trăm chín mươi ba nghìn đồng).

*Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án mà người phải thi hành án chậm thi hành các khoản nêu trên thì phải chịu tiền lãi theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.*

*Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 9 luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.*

2. Về án phí: Chị Dương Thị Ngọc O và anh Lê Hữu T2 phải chịu 4.169.650đ (bốn triệu một trăm sáu mươi chín nghìn sáu trăm năm mươi đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Bà Nguyễn Thị Kim A và ông Nguyễn Văn T1 phải chịu 29.200.000đ (hai mươi chín triệu hai trăm nghìn đồng), được trừ đi số tiền tạm ứng án phí 16.400.000đ (mười sáu triệu bốn trăm nghìn đồng) mà bà Kim A đã đóng tại biên lai thu số 0002581 ngày 05/4/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Bình Long. Còn lại phải đóng là 12.800.000đ (mười hai triệu tám trăm nghìn đồng).

3. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

**THAY MẶT HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

*(đã ký)*

Nơi gửi:

- TAND tỉnh Bình Phước
- VKSND TX Bình Long.
- Chi cục THADS TX Bình Long.
- Các đương sự.
- Lưu hồ sơ.

**Phạm Bình**